

整理番号

BẢNG KHẢO SÁT VỀ TRẺ ĐĂNG KÝ GỬI NHÀ TRẺ (0 Tuổi) Reiwa 9～

※Bảng khảo sát này sẽ được gửi tới cơ sở trông trẻ nơi trẻ được tiếp nhận.

※ Những ghi chép say đây là thông tin tham khảo cho quá trình trông trẻ tại nhà trẻ, không ảnh hưởng tới việc sắp xếp và quyết định vào nhà trẻ.

Ngày viết: Năm Tháng Ngày

Họ và tên trẻ	Katakana	Nam	Biệt danh		Mối quan hệ với người giám hộ		Ngày tháng năm sinh	Năm	Tháng	Ngày
		Tuổi					Tuổi	Tháng		
Họ và tên người giám hộ	Katakana		Điện thoại	Nhà riêng						
				Di động						
Địa chỉ	Toyoakeshi									

- A. Hãy trả lời những câu hỏi về tình trạng của trẻ. Hãy khoanh O vào câu trả lời phù hợp và điền vào _____
- 1 Trẻ có bất thường gì trong thời gian mẹ mang thai và sau khi sinh không?
- ・ Không ・ Có (Tăng huyết áp thai kỳ ・ Nghén nặng ・ Rubella ・ Khác)
- Về tình trạng trẻ lúc sinh ra và thời kỳ sơ sinh
- ・ Bình thường ・ Chết lâm sàng ・ Sinh mổ ・ Vàng da ・ Truyền máu thay thế ・ Nuôi trong lồng kính ・ Khác _____
- ・ Trọng lượng lúc sinh g
- 2 Đến thời điểm hiện tại trẻ có mắc bệnh gì không? (Có ・ Không)
- Tên bệnh _____ Thời kỳ phát bệnh _____ Tên bệnh viện ()
- Tình trạng hiện tại _____
- 3 Trẻ có bị dị ứng không? ・ Không ・ Có (・ Sữa tươi ・ Trứng ・ Đậu tương ・ Khác _____)
- 4 Trẻ có từng bị trật khớp hay không? ・ Không ・ Có Tháng tuổi Vị trí:
- 5 Trẻ đã từng bị co giật hay không? ・ Không ・ Có Lần gần đây nhất Tháng Năm

- B. Hãy trả lời những câu hỏi về kiểm tra sức khỏe định kỳ sau đây.
- ・ Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi ・ Chưa kiểm tra ・ Đã kiểm tra Chỉ thị của bác sỹ (Có ・ Không) Nội dung: _____
- ・ Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tháng tuổi ・ Chưa kiểm tra ・ Đã kiểm tra Chỉ thị của bác sỹ (Có ・ Không) Nội dung: _____
- ・ Kiểm tra sức khỏe trẻ 6 ~10 tháng tuổi ・ Chưa kiểm tra ・ Đã kiểm tra Chỉ thị của bác sỹ (Có ・ Không) Nội dung: _____

C. Hãy tích vào những nội dung phù hợp về tình trạng phát triển của trẻ (Có thể tích nhiều câu trả lời)

Vận động	☐ Cồ đã cứng cáp	☐ Lật ☐ Ngồi	☐ Bò ☐ Bám vào để đứng lên	☐ Vịn đi
Ngôn ngữ	☐ Có thể nói a...a , u..u	☐ Hướng tới những đồ vật như đồ chơi, muốn lấy và nói ra tiếng.	☐ Ngại người lạ và hay bám theo bố mẹ	☐ Chỉ tay ☐ Biết tên mình và quay lại khi có người gọi
Vui chơi	☐ Quan tâm đến những đồ chơi phát ra âm thanh và những đồ chơi màu sắc rực rỡ	☐ Lắc đồ chơi khi chơi	☐ Chơi một mình với tâm trạng tốt	☐ Chuyển động cơ thể theo tiếng nhạc ☐ Dùng ngón tay nhón những vật nhỏ
	☐ Khi được đồ dành cười lên thành tiếng	☐ Nhận ra người quen thân	☐ Phân biệt được người thân, người mình thích và những người không phải như vậy	☐ Nói bai bai, konnichiwa... bằng cử chỉ

Bữa ăn	Bữa ăn	▪ Sữa mẹ ▪ Hỗn hợp ▪ Nhân tạo (Sữa bò ▪ Sữa bột) (Tên sữa:		▪ Không quy định ▪ Có quy định 1 Ngày ____ Lần (____ Giờ ▪ ____ Giờ ▪ ____ Giờ
	Cách uống	▪ Ôm ▪ Nằm ▪ Ngồi ghé ▪ Tự mình cầm		Loại sữa:
	Thời gian và lượng uống	▪ 1 Ngày ____ Lần (1 lần ____ cc) ▪ Không quy định ▪ Có quy định (____ Khoảng cách) ▪ Thời gian cho 1 lần:		
	Ăn dặm	▪ 1 Ngày ____ Lần Buổi sáng: Khoảng ____ Giờ Buổi chiều: Khoảng ____ Giờ ▪ Lượng ăn 1 lần (▪ Nhiều ▪ Ít ▪ Không ổn định) ▪ Thời gian cho 1 lần ____ Phút ▪ Hình thức chế biến:		▪ Đang uống Loại ▪ Không uống
	Thức dậy	▪ ____ Giờ ▪ Không cố định	Tư thế ngủ	▪ Nằm sấp ▪ Nằm ngửa ▪ Nằm nghiêng
Ngủ	Đi ngủ	▪ ____ Giờ ▪ Không cố định	Chất lượng giấc ngủ	▪ Ngủ nông ▪ Bình thường ▪ Ngủ sâu
	Ngủ trưa	▪ ____ Giờ ~ ____ Giờ ▪ ____ Giờ ~ ____ Giờ		
	Trạng thái khi ngủ trưa	▪ Ngủ một mình ▪ Ngủ cạnh bố, mẹ ▪ Cồng ▪ Ôm	Lúc đi ngủ	Tốt ▪ Bình thường ▪ Không tốt
	Thói quen	▪ Ngậm ngón tay ▪ Mang theo một vật cố định ▪ Bình sữa ▪ Đồ chơi ▪ Khăn rửa mặt ▪ Chăn ▪ Vú giả ▪ Khác (____) ▪ Không có thói quen nào	Khi ngủ dậy	Tốt . Bình thường . Không tốt
			Khác	
Đi vệ sinh	Tình trạng phân	▪ Cứng ▪ Bình thường ▪ Mềm nhão ▪ Số ____ lần 1 Ngày ____ Khoảng ____ lần	Loại tã	Vải ▪ Giấy

▪ Phụ huynh có lo lắng nào khi gửi con tại nhà trẻ không?